

Huyện Q, ngày 22 tháng 4 năm 2019

Số: 07/2019/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, điều 213, điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 20/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

*Địa chỉ: Số 170 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông **Đào Mạnh K**; Chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Mạnh Q** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (Theo Giấy uỷ quyền số 28/UQ-HĐQT.18 ngày 04/5/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân Hàng TMCP A); Người được uỷ quyền lại: Ông: **Nguyễn Văn H**; Chức danh: Nhân viên xử lý nợ ngân hàng TMCP A (Theo Giấy uỷ quyền số 960/UQ-TGD ngày 19 tháng 09 năm 2018 của ông Nguyễn Mạnh Q).*

Bị đơn:

1- Ông **Đỗ Văn T**, sinh năm 1985.

2- Bà **Phạm Thị X**, sinh năm 1987.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1- Cháu **Đỗ Đức P**, sinh năm 2013

2- Cháu **Đỗ Thảo Đoan T**, sinh năm 2015

Đại diện theo pháp luật của cháu P và cháu T là ông **Đỗ Văn T** và bà **Phạm Thị X**.

Đều trú tại: thôn 2, xã P, huyện Q, thành phố H

II/ Sự thỏa thuận cụ thể của các đương sự như sau:

1/- Ngân hàng TMCP A và ông Đỗ Văn Tr, bà Phạm Thị X đều xác nhận tính đến ngày 22/3/2019 ông T, bà X còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là:

- Nợ gốc: 360.370.376 đồng.
- Nợ lãi: 68.298.458 đồng.
- **Tổng nợ: 428.668.834 đồng.**

2/-Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị X có trách nhiệm trả Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 203/16/HĐTD/II.7 ngày 29/8/2016 tính đến ngày 22/3/2019 là **428.668.834 đồng**. *(Bốn trăm hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm ba mươi tư đồng).*

Ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị X tiếp tục phải trả lãi phát sinh đối với số tiền gốc chưa thành toán, kể từ ngày 23/3/2019 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số 203/16/HĐTD/II.7 ngày 29/8/2016. Trường hợp Ngân hàng A có điều chỉnh lãi suất thì mức lãi suất ông T, bà X phải trả cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng A.

Trường hợp ông T, bà X không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị X đã thế chấp là toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 262, tờ bản đồ số 100, diện tích 421m², mục đích sử dụng: đất ở: 300m², đất trồng cây lâu năm: 121m², thời hạn sử dụng: đất lâu dài, đất trồng cây lâu năm thời sử dụng đến ngày 15/10/2043 tại địa chỉ: xã P, huyện Q, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BT 120072, số vào sổ cấp GCN: CS- QO 00013 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 30//6/2015 cho ông Đỗ Văn T.

Hai bên thỏa thuận trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị X tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A.

3/-Về án phí: ông Đỗ Văn T, bà Phạm Thị X phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là **10.573.000 đồng** *(Mười triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng)*

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả Ngân hàng TMCP A **10.190.000 đồng** *(Mười triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0010706 ngày 29/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đường sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu T